

Bản án số: 25/2020/HS-ST

Ngày 29/4/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Hời và ông Chu Quang Liêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Văn Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2020; thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/2020/TB-TA ngày 07/4/2020 và thông báo về việc mở lại phiên tòa số 02/2020/TB-TA ngày 17/4/2020 đối với các bị cáo:

1. Đàm Xuân T, sinh năm 1989, tại huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm Văn N và bà Nguyễn Thị V; có vợ là Ngô Thị P và 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2020; tiền sự: Không ;

Tiền án: Bản án số 01/2011/HSST ngày 19/01/2011, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (trị giá tài sản chiếm đoạt 5.140.000đ), bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 23/7/2011; Bản án số 16/2013/HSST ngày 20/3/2013, Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xử phạt 06 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 16/9/2013; Bản án số 69/2015/HSST ngày 30/11/2015, Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (trị giá tài sản chiếm đoạt 3.785.200đ), bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 24/11/2017.

Nhân thân: Bản án số 15 ngày 04/3/2020, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, xử phạt Đàm Xuân T 54 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 26/11/2019.

Bị cáo bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương trong vụ án khác, có mặt tại phiên tòa.

2. Đàm Văn K, sinh năm 1991, tại huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm Văn H và bà Nguyễn Thị N; có vợ là Lương Thị Kim Y và 02 con, **con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017**; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 26/12/2012, bị Trưởng Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”, hình thức phạt tiền 1.000.000đ; bị cáo nộp tiền phạt ngày 27/12/2012;

Bản án số 15 ngày 04/3/2020, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xử phạt bị cáo Đàm Văn K: 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 12 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 48 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 26/11/2019.

Bị cáo bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương trong vụ án khác, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Đức D, sinh năm 1975, tại huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị H (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị L và 03 con, **con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2013**; tiền sự: Không;

Tiền án: Bản án số 21/2017/HSPT ngày 23/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 09/9/2018;

Nhân thân: Bản án số 15 ngày 04/3/2020, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xử phạt bị cáo Nguyễn Đức D 25 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 26/11/2019.

Bị cáo bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương trong vụ án khác, có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho bị cáo D:* Bà Nguyễn Thị Chi- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương, có mặt.

** Bị hại:* Vợ chồng ông Nguyễn Trung Th, sinh năm 1956 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1959; đều trú tại: Thôn A, xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (Bà H uỷ quyền cho ông Th, ông Th có mặt)

* Người làm chứng: Anh Quách Văn T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền chi tiêu cá nhân nên khoảng 23 giờ, ngày 18/11/2019, Đàm Xuân T mang theo 01 kim thủy lực đựng trong chiếc balo từ nhà đến nhà Nguyễn Đức D chơi và rủ D đi trộm cắp tài sản, D nhất trí. T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, lắp biển số 17B1-086.18 chở D từ nhà ở huyện Q, tỉnh Thái Bình đến cầu N thì Đàm Văn K gọi điện cho T hỏi có đi trộm cắp không cho K đi cùng, T bảo có và cùng D đứng đợi K ở cầu N. Khoảng 30 phút sau K đến, T và K thay nhau điều khiển xe máy chở D đến khu vực thôn A, xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, khi qua nhà ông Nguyễn Trung Th thì dừng xe. T trèo tường vào trong sân quan sát thấy bên trong khuôn viên nhà ông Th có nhà cấp 4 khóa cửa, có cầu bằng xi măng để dắt xe nên nghĩ bên trong có để xe máy, T đi ra ngoài cổng bảo K lấy kim thủy lực và cùng K cắt phá khóa cổng, khóa cửa nhà ông Th, lúc này D đang đứng ngoài để cảnh giới. T đi vào trong lấy 01 xe máy nhãn hiệu Honda Dream, biển số 34B2-164... mang ra chỗ D và K đang đứng, sau đó T rút và nối lại dây điện nguồn của xe rồi nổ máy và bảo D điều khiển xe về nhà D cất giấu.

Ngày 19/11/2019, D đem chiếc xe trộm cắp được bán cho anh Quách Văn T ở xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình là bạn của D được 4.000.000đ (bốn triệu đồng), sau đó cả ba chia nhau, D cầm 1.000.000đ, T và K mỗi người cầm 1.500.000đ. Toàn bộ số tiền bán tài sản trộm cắp được T, K và D đã chi tiêu hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 01/KL-ĐGTS ngày 18/12/2019, Hội đồng định giá tài sản - UBND huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, đeo BKS 34B2 – 164... giá trị là 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 20/CT-VKSTK ngày 27/02/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ đã truy tố bị cáo Đàm Xuân T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ Luật hình sự; truy tố bị cáo Đàm Văn K và Nguyễn Đức D về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản"; áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, các điểm h, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các điều 17, 58, 56, 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đàm Xuân T từ 24 đến 27 tháng tù và tổng hợp hình phạt 54 tháng tù tại bản án số 15 ngày 04/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương; áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các điều 17, 58, 56, 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đàm Văn K từ 09 đến 12 tháng tù và tổng hợp hình phạt 48 tháng tù tại bản án số 15 ngày 04/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương; áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, các điều 17, 58, 56, 38 của Bộ luật

hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức D từ 09 đến 12 tháng tù và tổng hợp hình phạt 25 tháng tù tại bản án số 15 ngày 04/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương; về hình phạt bổ sung: Không áp dụng; về xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết; về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự và Điều 288, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 587, Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho vợ chồng ông Nguyễn Trung Th, bà Phạm Thị H số tiền 4.500.000đ, trong đó phần nghĩa vụ liên đới của các bị cáo T, K mỗi bị cáo tự nguyện bồi thường 1.750.000 đồng và bị cáo D bồi thường 1.000.000 đồng (được trừ số tiền đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ); các bị cáo T, K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật, bị cáo Nguyễn Đức D thuộc hộ cận nghèo nên được miễn tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra, công nhận Quyết định truy tố và luận tội của VKSND huyện Tứ Kỳ đối với các bị cáo là đúng và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do bị cáo D đã tự nguyện nộp tại cơ quan thi hành án để bồi thường số tiền 1.000.000 đồng cho người bị hại, vì vậy số tiền còn lại là 3.500.000 đồng, các bị cáo T và K đều nhất trí bồi thường, mỗi người 1.750.000 đồng cho người bị hại.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức D: Bà Nguyễn Thị Chi- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương đề nghị HĐXX xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s, r khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS (có bố đẻ là người có công với cách mạng, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt) để xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù.

Người bị hại là ông Nguyễn Trung Th, bà Phạm Thị H, bà H vắng mặt ủy quyền cho ông Th tham gia tố tụng, tại phiên tòa ông Th yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho ông số tiền 4.500.000 đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ nên đủ căn cứ kết luận: Vào đêm ngày 18/11/2019 rạng sáng ngày 19/11/2019, tại nhà ông Nguyễn Trung Th ở thôn A, xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, các bị cáo Đàm Xuân T, Đàm Văn K và Nguyễn Đức D đã cùng nhau lết lút trộm cắp của ông Th 01 xe máy nhãn hiệu Honda Dream, biển số 34B2-164.... có giá trị 4.500.000đ.

[3] Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền chi tiêu cá nhân, không chịu lao động nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt được là 4.5000.000đ nên hành vi của các bị cáo Đàm Văn K và Nguyễn Đức D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, riêng bị cáo Đàm Xuân T có 03 tiền án vào các năm 2011, 2013 và 2015 chưa được xóa án tích thuộc trường hợp “Đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý.” Do đó Đàm Xuân T phạm tội “Trộm cắp tài sản” định khung tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ đã truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là hoàn toàn có căn cứ.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân và gây ảnh hưởng xấu về trật tự trị an trong địa bàn.

[5] Xét vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, HĐXX thấy: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, việc phạm tội của các bị cáo tuy có sự thống nhất từ trước song không có sự cấu kết chặt chẽ, đều trực tiếp thực hiện tội phạm. Trong vụ án này, bị cáo T là người đề xuất, chuẩn bị công cụ phạm tội (kìm thủy lực), trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp xe nên nên giữ vai trò chính; bị cáo K là người cùng bị cáo T dùng kìm thủy lực phá khóa cổng, khóa cửa nhà ông Th nên là người thực hành tích cực, giữa vai trò thứ hai trong vụ án; bị cáo D là người đứng ngoài cảnh giới, đem tài sản trộm cắp được đi tiêu thụ nên cũng là người thực hành tích cực và giữ vai trò thứ ba trong vụ án.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo: Mặc dù bị cáo Đàm Xuân T đã có 03 tiền án vào các năm 2011, 2013 và 2015 chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội do cố ý thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, do đây là tình tiết định tội nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS; bị cáo Đàm Văn K không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, nhưng có nhân thân xấu, thể hiện năm 2012 bị Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”; Bị cáo Nguyễn Đức D có 01 tiền án tại bản án số 21/2017/HSPT ngày 23/6/2017, bị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt 02 năm 06 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” (bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 09/9/2018) chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, bị cáo có nhân thân xấu thể hiện đã hai lần bị Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xử phạt vi phạm hành chính vào năm 2008. Ngoài ra cùng thời điểm, các bị cáo Đàm Xuân T, Đàm Văn K, Nguyễn Đức D còn thực hiện nhiều hành vi trộm cắp tài sản tại địa bàn huyện Thanh Miện và bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xét xử vào ngày 04/3/2020, nhưng đây là trường hợp các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ở nhiều địa bàn khác nhau, hành vi phạm tội trước được xét xử trước nên lần phạm tội này, bị cáo D không phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm nguy hiểm” và bị cáo K không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; sau khi trộm cắp ở địa bàn huyện Thanh Miện và bị Công an huyện Thanh Miện mời làm việc ngày 22/11/2019, bị cáo D đã tự khai ra hành vi trộm cắp của bị cáo và đồng bọn tại huyện Tứ Kỳ, tiếp đó ngày 25/11/2019, trong quá trình làm việc với Công an huyện Thanh Miện, các bị cáo T, K đã tự khai ra hành vi trộm cắp tại địa bàn huyện Tứ Kỳ nên bị cáo D được hưởng tình tiết giảm nhẹ “tự thú” theo điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, các bị cáo T, K chỉ được hưởng tình tiết giảm nhẹ “đầu thú” theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo Đàm Xuân T phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Đức D đã tự nguyện nộp một phần số tiền chiếm đoạt để khắc phục hậu quả, có bố để được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến nên bị cáo D được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên HĐXX áp dụng Điều 54 BLHS, xử bị cáo mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt.

[8] Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo, HĐXX thấy cần thiết phải buộc các bị cáo chấp hành hình phạt tù tại trại giam mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Cho đến nay, bản án số 15/2020/HS-ST ngày 04-3-2020, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương đã có hiệu lực pháp luật nên cần phải tổng hợp, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự.

[9] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Chiếc xe trộm cắp được các bị cáo đã bán cho anh Quách Văn T với giá 4.000.000đ, anh Tịnh đã bán lại cho một người không quen biết, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được. Nay vợ chồng ông Th, bà H yêu cầu các bị cáo phải trả lại vợ chồng ông số tiền **4.500.000đ nên các bị cáo phải có nghĩa vụ liên đới** bồi thường cho vợ chồng ông Th số tiền trên. Bị cáo D đã nộp số tiền 1.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án để bồi thường cho bị hại. Số tiền còn lại 3.000.000 đồng, bị cáo T, K tự nguyện chịu trách nhiệm bồi thường cho bị hại, ông Th nhất trí. Vì vậy, chia theo phần, buộc bị cáo Nguyễn Đức D phải bồi thường 1.000.000 đồng (được trừ số tiền đã nộp tại chi Cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ); bị cáo Đàm Xuân T, Đàm Văn K mỗi bị cáo phải bồi thường 1.750.000 đồng cho ông Nguyễn Trung Th, bà Phạm Thị H. Ông Th không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị 02 ổ khóa cửa bị hư hỏng, do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[11] Về xử lý vật chứng: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision biển số 17B1-086.18 các bị cáo sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản; 01 balo; 01 kim thủy lực; điện thoại của T và K là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội đã được xử

lý tại bản án số 15 ngày 04/3/2020 của TAND huyện Thanh Miện, đối với 02 ổ khóa của bị hư hỏng không thu hồi được nên không đặt ra giải quyết.

[12] Đối với anh Quách Văn T khi mua chiếc xe máy của D, nhưng không biết đó là tài sản do D, T và K phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý.

[13] Về án phí: Các bị cáo Đàm Xuân T, Đàm Văn K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật; bị cáo Nguyễn Đức D thuộc hộ cận nghèo nên bị cáo được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 54; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đàm Xuân T.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đàm Văn K.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức D.

1. Tuyên bố các bị cáo Đàm Xuân T, Đàm Văn K và Nguyễn Đức D phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

+ Xử phạt bị cáo Đàm Xuân T **21 (hai mươi một)** tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 54 (năm mươi tư) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 15/2020/HSST ngày 04/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, buộc bị cáo Đàm Xuân T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **75** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 26/11/2019.

+ Xử phạt bị cáo Đàm Văn K **10 (mười)** tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 48 (bốn mươi tám) tháng tù về các tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tại bản án số 15/2020/HSST ngày 04/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, buộc bị cáo Đàm Văn K phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **58** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 26/11/2019.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức D **09 (chín)** tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 25 (hai mươi lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 15/2020/HSST ngày 04/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, buộc bị cáo Nguyễn Đức D phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án trên là **34** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 26/11/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự và Điều 288, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 587, Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc các bị cáo Đàm Xuân T, Đàm Văn K, Nguyễn Đức D có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Nguyễn Trung Th, sinh năm 1956 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1959; trú tại: Thôn A, xã Q, huyện

Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng), Chia theo phần: Các bị cáo Đàm Xuân T, Đàm Văn K mỗi bị cáo phải bồi thường 1.750.000 đồng; bị cáo Nguyễn Đức D bồi thường 1.000.000 đồng (được đối trừ số tiền 1.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ theo biên lai thu tiền số AA/2011/06612 ngày 27/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, vợ chồng ông Th, bà H có có đơn yêu cầu thi hành án mà các bị cáo T, K chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Đàm Xuân T và Đàm Văn K, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự; bị cáo Nguyễn Đức D được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm;

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương, VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Cơ quan cảnh sát điều tra, Cơ quan THA hình sự, Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ Công an huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THADS huyện Tứ Kỳ;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Quân